

Bản án số: 122/2024/HS-ST
Ngày 20 - 6 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Triều Xuân

2. Ông Mai Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 133/2024/TLST-HS ngày 23/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2024/QĐXXST-HS ngày 05/6/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Anh T; giới tính: Nam; sinh ngày 05/4/2001, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; con bà Nguyễn Thị Hoàng P; có vợ và 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2023 cho đến nay. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị Kim M, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú: 2 N, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: I P, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ ngày 12/10/2023, Trinh sát Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước số A T, Phường F, Quận H, thì phát hiện 02 đối tượng đang điều khiển xe gắn máy biển số: 59T2-056.64 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Người ngồi sau tự khai tên Trần Thị Kim N và người điều khiển tự khai tên Nguyễn Anh T. Qua kiểm tra, Công an phát hiện thu giữ trong túi quần phía trước bên trái T đang mặc 01 vỏ gói thuốc lá hiệu JET đựng 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (T khai nhận đó là ma túy của T dùng để bán cho người nghiện). Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của T 01 xe gắn máy biển số: 59T2-

056.64 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo. Sau đó, Công an tiến hành thu giữ vật chứng, dẫn giải T và mời N về trụ sở Công an P1, Quận H để làm việc.

Cùng ngày 12/10/2023, Công an thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại Phòng 402, khách sạn S, số A T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua khám xét, Công an tạm giữ trong hộc tủ gỗ ở đầu giường 01 hộp nhựa, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (T khai là ma túy đá của T dùng để bán cho khách hàng); 01 gói nylon chứa 01 viên nén màu xám và 01 viên nén màu xanh lá (T khai là thuốc lắc của T dùng để bán), 01 cân tiểu ly. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

Tại Kết luận giám định số 11485/KL-KTHS ngày 20/10/2023, Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 vỏ gói thuốc lá hiệu JET) được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Tuấn A và hình dấu Công an P1, Quận H là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 6,1086 gam, loại Methamphetamine.

- Gói 2: Được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Anh T, Trần Thị Kim N và hình dấu Công an phường H, quận T, bên trong có 01 hộp nhựa chứa:

- + Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,8637 gam, loại Methamphetamine;

- + 01 viên nén màu xám là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4088 gam, loại Methamphetamine, MDMA;

- + 01 viên nén màu xanh lá là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3513 gam, loại MDMA.

Quá trình điều tra, Nguyễn Anh T khai nhận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 12/10/2023, T cùng với vợ là Trần Thị Kim N đang ở Phòng 402, khách sạn S, số A T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thì có một người khách (không rõ lai lịch) sử dụng điện thoại (không rõ số điện thoại) gọi tới số điện thoại 0932.531.013 của T để đặt mua ma túy đá, với giá 4.500.000 đồng và hẹn giao ma túy tại trước số A T, Phường F, Quận H.

T lấy ma túy đá ra cân khoảng 08 gam (T mang vào nhà vệ sinh đóng cửa lại để cân ma túy nên N không nhìn thấy). Sau đó, T nói với N đi Quận H lấy tiền của người quen thiếu nợ. Khi T đang điều khiển xe mô tô mang theo ma túy và chở N đến trước số A T, Phường F Quận H thì bị Công an kiểm tra phát hiện, bắt quả tang như trên.

T bắt đầu mua bán ma túy từ khoảng đầu tháng 10/2023 đến nay. Trước đây, trước ngày phạm tội ngày 12/10/2023, vào khoảng đầu tháng 10/2023 (không nhớ chính xác ngày), T cũng đã bán ma túy cho một người đàn ông tại gần địa chỉ A T, Phường F, Quận H (T không nhớ chính xác địa chỉ cụ thể)

Tất cả số ma túy trên, T mua từ một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch, tên F là “Kevin T”).

Trần Thị Kim N khai nhận: N là vợ của T và N hoàn toàn không biết đến việc Trần Anh T1 có hành vi mua bán trái phép chất ma túy như nêu trên.

Vật chứng, đồ vật tạm giữ:

- 01 gói niêm phong ghi số 2237/23Q8 (G) có chữ ký ghi tên Nguyễn Anh T và hình dấu Công an Phường 6, Q 8; chữ ký ghi tên Giám định viên Lê Thị H1 và chữ ký ghi tên cán bộ Phạm Hoàng K;

- 01 gói niêm phong ghi số 2237/23Q8 (G) có chữ ký ghi tên Nguyễn Anh T, Trần Thị Kim N và hình dấu Công an P1, Quận H; chữ ký ghi tên Giám định viên Lê Thị H1 và chữ ký ghi tên cán bộ Phạm Hoàng K;

- 01 xe mô tô hiệu VISION biển số 59T2-056.64, số máy: JF66E0712317, số khung: RLHJF5816GY712263;

- 01 cân tiểu ly; 01 điện thoại di động hiệu OPPO gắn sim số 0932707013; 01 điện thoại di động hiệu OPPO gắn sim số 0559773534.

Tại bản Cáo trạng số 133/CT-VKS-Q8 ngày 20/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Đ p Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm p Khoản 2, Khoản 5 Điều 251; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 09 năm đến 10 năm tù; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ Kết luận giám định số 11485/KL-KTHS ngày 20/10/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

Vào lúc 15 giờ ngày 12/10/2023, tại trước số A T, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Anh T có hành vi cất giấu 6,1086 gam Methamphetamine để bán trái phép cho người mua thì bị bắt quả tang.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Anh T còn cất giấu 2,8637 gam ma túy loại Methamphetamine; 0,4088 gam ma túy loại Methamphetamine, MDMA; 0,3513 gam

ma túy loại MDMA tại địa chỉ Phòng 402, khách sạn S, số A T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích là để bán trái phép cho người mua.

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì để có tiền tiêu xài, bị cáo bất chấp thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “*p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này;*”, là tình tiết định khung hình phạt quy định tại Điểm p Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, do vậy Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông bán ma túy cho T do không xác định được lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với lời khai của bị cáo về việc trước ngày bị bắt phạm quả tang lần này (ngày 12/10/2023), vào khoảng đầu tháng 10/2023 (không nhớ chính xác ngày), T cũng đã bán ma túy cho một người đàn ông tại gần địa chỉ A T, Phường F, Quận H (T không nhớ chính xác địa chỉ cụ thể) ngoài lời khai (không đầy đủ về thời gian và địa điểm giao ma túy) của T, không có chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh, nên chưa đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này. Cơ quan Điều tra tiếp tục truy xét, có căn cứ xử lý sau.

Đối với Trần Thị Kim N, do không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Anh T và có kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy, do đó không có cơ sở để xử lý.

[7] Xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong ghi số 2237/23Q8 (G) có chữ ký ghi tên Nguyễn Anh T và hình dấu Công an Phường 6, Q 8; chữ ký ghi tên Giám định viên Lê Thị H1 và chữ ký ghi tên cán bộ Phạm Hoàng K, là vật cầm lưu hành theo quy định, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy.

- 01 gói niêm phong ghi số 2237/23Q8 (G) có chữ ký ghi tên Nguyễn Anh T, Trần Thị Kim N và hình dấu Công an P1, Quận H; chữ ký ghi tên Giám định viên Lê

Thị H1 và chữ ký ghi tên cán bộ Phạm Hoàng K, là vật cầm lưu hành theo quy định, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy.

- 01 cân tiểu ly, là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô số loại VISION, biển số 59T2-056.64, số máy: JF66E0712317, số khung: RLHJF5816GY712263, xe do bà Trần Thị Kim M đứng tên chủ sở hữu, bà M giao xe cho Trần Thị Kim N (vợ bị cáo) mượn làm phương tiện đi lại, ngày 12/10/2023, bị cáo lấy xe làm phương tiện phạm tội, cả N và bà M đều không biết, bà M yêu cầu được nhận lại xe là có căn cứ, nên trả lại xe cho bà M.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO gắn sim số 0932707013 tạm giữ của bị cáo, bị cáo sử dụng làm phương tiện mua, bán trái phép ma túy, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO gắn sim số 0559773534 tạm giữ của bị cáo, bị cáo dùng liên hệ cá nhân, không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm p Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Anh T 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2023.

2. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Phạt bị cáo Nguyễn Anh T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong ghi số 2237/23Q8 (G) có chữ ký ghi tên Nguyễn Anh T và hình dấu Công an Phường 6, Q 8; chữ ký ghi tên Giám định viên Lê Thị H1 và chữ ký ghi tên cán bộ Phạm Hoàng K.

- 01 gói niêm phong ghi số 2237/23Q8 (G) có chữ ký ghi tên Nguyễn Anh T, Trần Thị Kim N và hình dấu Công an P1, Quận H; chữ ký ghi tên Giám định viên Lê Thị H1 và chữ ký ghi tên cán bộ Phạm Hoàng K.

- 01 cân tiểu ly.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO gắn sim số 0932707013.

3.3. Trả lại cho bà Trần Thị Kim M: 01 xe mô tô số loại VISION biển số 59T2-056.64, số máy: JF66E0712317, số khung: RLHJF5816GY712263.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Anh T: 01 điện thoại di động hiệu OPPO gắn sim số 0559773534.

(Biên bản về việc giao, nhận tang tài vật ngày 10/6/2024)

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bị cáo có nghĩa vụ thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53.
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Hoa